

ST, ngày 06 tháng 5 năm 2020

Số: 02/2020/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện ST.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **NHCSXH**;

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, Phường HL, quận HM, Thành Phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T1 - Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền số 7300 ngày 19/9/2019.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Minh C – Cán bộ Tổ tín dụng PGD NHCSXH huyện ST (theo văn bản ngày 03 tháng 3 năm 2020).

Nơi làm việc: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; Số điện thoại:; số fax: không.

- Bị đơn: Anh **Đinh Văn C1**, sinh năm 1986 và chị **Đinh Thị L**, sinh năm: 1986

Cùng có địa chỉ: Thôn MTB, xã SB, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Các Bị đơn anh **Đinh Văn C1** và chị **Đinh Thị L** thống

nhất cùng nhau trả số tiền nợ vay cho NHCSXH thông qua PGD NHCSXH huyện ST, cụ thể:

+ Tiền nợ vay chương trình Hộ nghèo: tiền nợ gốc là 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*), tiền nợ lãi là 3.648.541đ (*ba triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng*);

+ Tiền nợ vay chương trình Nhà ở 167: tiền nợ gốc là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), tiền nợ lãi là 240.660 (*hai trăm bốn mươi nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*);

+ Tiền nợ vay chương trình Nước sạch vệ sinh môi trường: Tiền nợ gốc là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), tiền nợ lãi là 3.959.833đ (*ba triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, không trăm sáu mươi sáu đồng*);

Tổng số tiền gốc của 03 món vay và nợ lãi mà các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH thông qua PGD NHCSXH huyện ST là 42.849.034đ (*bốn mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng*), tiền nợ gốc là: 35.000.000 đồng; nợ lãi của 03 món vay tạm tính đến ngày 24/4/2020 là 7.849.034đ (*bảy triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án giải quyết xong vụ án các bị đơn còn phải có nghĩa vụ tiếp tục chịu trả lãi quá hạn trên số nợ gốc của ba món vay (*Nhà ở 167, Hộ nghèo và Nước sạch VSMT*) chưa thanh toán xong theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng (*Giấy đề nghị vay vốn khiêm phương án sử dụng vốn vay*) cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h ST;
- Chi cục THADS h ST;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (P. KTNV & THA)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lâm Thị Ánh Tuyết